

Số: 731 /VWTC - TCHC

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi:                   - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
                                  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Mã chứng khoán: WTC

Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

MST: 5700647458

Điện thoại liên hệ: 0203.3518.069

E-mail: [vantaithuytkv@vnn.vn](mailto:vantaithuytkv@vnn.vn)

Website: [vantaithuytkv.vn](http://vantaithuytkv.vn)

2. Nội dung công bố thông tin:

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN công bố thông tin về Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về các Hợp đồng dự thảo vận chuyển, thuê tàu, dịch vụ đại lý năm 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/12/2025 tại đường dẫn [vantaithuytkv.vn](http://vantaithuytkv.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

### **Tài liệu đính kèm:**

Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 và Hợp đồng dự thảo vận chuyển, thuê tàu, dịch vụ đại lý năm 2026.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thành Công**

Số: 24 /NQ - HĐQT

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Hợp đồng dự thảo vận chuyển, thuê tàu, dịch vụ năm 2026**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2023;

Căn cứ Biên bản số 24/BB - HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Hợp đồng dự thảo vận chuyển, thuê tàu, dịch vụ đại lý năm 2026 của Công ty với các Đơn vị, cụ thể như sau:

**1.1 Hợp đồng số 01/HĐVC/TB/2026/VTT-VT vận chuyển than năm 2026-2027.**

- Loại hàng: than cám các loại
- Khối lượng vận chuyển (dự kiến): 3.410.000 tấn (+/-20%)
- + Tuyến đi Nhiệt điện Vũng Áng: 300.000 tấn (+/-20%)
- + Tuyến đi Nhiệt điện Vĩnh Tân 1+2: 2.460.000 tấn (+/-20%)
- + Tuyến đi Nhiệt điện Duyên Hải 1: 650.000 tấn (+/-20%)

Khối lượng trên là dự kiến, căn cứ vào nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng các bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển cho phù hợp.

- Thời gian thực hiện: 01/01/2026 – 31/12/2027.

(Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

**1.2 Hợp đồng số 01/HĐTT/2026/VTT-VT/VT235-02 thuê tàu trần.**

- Tàu cho thuê: Việt Thuận 235-02
- Hình thức thuê: thuê tàu trần



- Thời hạn thuê: từ ngày 01/01/2026 – 31/12/2028
- Địa điểm giao và nhận trả tàu: Việt Nam.

(Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

### **1.3 Hợp đồng dịch vụ Đại lý hàng hải số 01.26/HĐDLHH/VT-VTT**

- Loại dịch vụ: Đại lý tàu biển
- Địa điểm thực hiện: Quảng Ninh/Thanh Hóa/Lâm Đồng
- Loại tàu và trọng tải tàu: tàu SB và tàu biển, trọng tải từ 2.000 DWT – 50.000 DWT.
- Thời gian thực hiện: từ ngày 01/01/2026 – 31/12/2026.

(Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng quản trị giao Giám đốc Công ty triển khai thực hiện việc ký Hợp đồng giữa Công ty với các Đơn vị vận chuyển, thuê tàu, đại lý dịch vụ năm 2026 theo đúng quy định của Nhà nước./.

#### **Nơi nhận:**

- Các uỷ viên HĐQT, Kiểm soát viên Cty;
- Giám đốc, Phó GD;
- Các phòng ban Cty;
- Lưu Người phụ trách quản trị Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Trung Ủy**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU TRẦN**  
**SỐ: 01/HĐTT/2026/VTT-VT/VT235-02**

(Dự thảo)

Căn cứ Luật Dân sự năm 2015;  
Căn cứ Luật thương mại năm 2005;  
Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;  
Căn cứ các văn bản pháp luật hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung tương ứng hiện hành;  
Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày      tháng 12 năm 2025 tại Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

**Chủ tàu: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

- Địa chỉ : Ô số 16 lô B17 khu đô thị Cột 5, Cột 8, Phường Hạ Long,  
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam  
- Điện thoại : 0203 3518069 Fax: 0203 3518059  
- Người đại diện : Bà **Đỗ Thị Thu Huyền** Chức vụ: Phó Giám đốc  
Giấy Ủy quyền số 521/GUQ-VWTC ngày 01/10/2025 do ông Nguyễn Thành Công  
chức vụ Giám đốc ký  
- Tài khoản số : 4485066888 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển  
Việt Nam - CN Hạ Long.  
- Mã số thuế : 5700647458

**Người thuê tàu: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN**

- Địa chỉ : Số 412, Đường Quang Trung, Phường Uông Bí, Tỉnh  
Quảng Ninh, Việt Nam.  
- Điện thoại : 0203.2222689; Fax: 0203.6519888  
- Người đại diện : Ông **Trịnh Tiến Mạnh** Chức vụ: Phó Giám đốc  
Giấy ủy quyền số 96/UQ-VT ngày 01/01/2025 do ông Trịnh Trung Uý chức vụ  
Giám đốc ký  
- Tài khoản số : 115000171992 tại Ngân hàng Vietinbank - KCN Hải  
Dương  
- Mã số thuế: : 5700562451

Sau khi bàn bạc hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thuê tàu với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU I. Nội dung thuê tàu:**

Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin đồng ý cho Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận thuê 01 con tàu vận tải biển 25.000 DWT là tàu **VIỆT THUẬN 235-02**. Tàu đã qua sử dụng, hình thức cho thuê: "Thuê tàu Trần" không bao gồm thuyền bộ, để

Người thuê tàu khai thác vận chuyển hàng hóa theo cấp tàu và quy định của Pháp luật, tàu có các thông số cơ bản như sau:

|                               |                                            |
|-------------------------------|--------------------------------------------|
| <b>Tàu: VIỆT THUẬN 235-02</b> | Quốc tịch: Việt Nam                        |
| - Hồ hiệu/Số IMO              | : XVFC3/9868546                            |
| - Chiều dài (Lmax/L)          | : 150,550 M                                |
| - Chiều rộng (Bmax/B)         | : 26,800 M                                 |
| - Mớn nước (D)                | : 9,400 M                                  |
| - Tổng dung tích              | : 15009 GT                                 |
| - Trọng tải toàn phần (DWT)   | : <b>25.825 MT</b>                         |
| - Ký hiệu máy chính           | : Guangzhou 6G32                           |
| - Công suất máy chính         | : 2 x 2665 KW                              |
| - Cấp tàu                     | : VRH III * VRM                            |
| - Kiểu tàu                    | : TM. Tàu chở hàng tổng hợp                |
| - Năm đóng mới                | : 2018 tại Việt Nam                        |
| - Chủ tàu                     | : Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin |

## **ĐIỀU II. Thời gian thuê tàu:**

2.1. Thời gian thuê tàu: kể từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2028.

2.2. Trường hợp khi Người thuê tàu có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng hoặc dừng thuê tàu trước thời hạn của hợp đồng, thì hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc ký phụ lục gia hạn hợp đồng hoặc làm thủ thanh lý hợp đồng. Người thuê tàu có trách nhiệm thông báo cho Chủ tàu trước thời hạn ít nhất 30 ngày.

## **ĐIỀU III. Vùng hoạt động, mục đích sử dụng:**

3.1. Vùng hoạt động: Theo cấp tàu (được ghi trên giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu).

3.2. Mục đích sử dụng tàu: Tàu được Người thuê tàu thuê để vận chuyển hàng hóa hợp pháp thỏa mãn các quy định hiện hành của luật pháp nước CHXHCN Việt Nam, phù hợp với cấp tàu; đồng thời phù hợp với tính năng, điều kiện và trạng thái của con tàu.

## **ĐIỀU IV. Thời gian, địa điểm và điều kiện của việc giao tàu và trả tàu:**

4.1. Ngày giao tàu: Ngày 01/01/2026

4.2. Địa điểm giao lại tàu: Tại cảng bất kỳ tại Việt Nam được sự chấp thuận của Chủ tàu

4.3. Các điều kiện giao và trả tàu cụ thể như sau:

(a) Giao tàu:

- Chủ tàu sẽ bàn giao toàn bộ con tàu tại thời điểm bàn giao bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các vật tư phụ tùng sẵn có của tàu, mọi thiết bị máy móc trên tàu hoạt động bình thường thỏa mãn mọi yêu cầu của Cơ quan đăng kiểm.

- Đại diện của Chủ tàu và Người thuê tàu sẽ cùng nhau lập biên bản và ký xác nhận vào bảng kê số lượng các vật tư, trang thiết bị để bàn giao cho Người thuê tàu quản lý sử dụng. Tất cả các chi phí cung cấp vật tư, phụ tùng mà tàu đã thực hiện trước điểm bàn giao tàu sẽ do Chủ tàu chịu.

- Về nhiên liệu (FO, DO, LO) sẽ được xác định cụ thể về số lượng và chủng loại bởi đại diện của hai Bên vào thời điểm bàn giao tàu để Người thuê tàu sử dụng. Người

thuê tàu sẽ thanh toán lại cho Chủ tàu phần nhiên liệu (FO, DO, LO) còn lại trên tàu tại thời điểm bàn giao tàu theo đơn giá mua theo hóa đơn của kỳ cấp nhiên liệu gần nhất và khi Người thuê tàu trả lại tàu cho Chủ tàu cũng sẽ tính theo giá nhiên liệu theo hóa đơn lần cấp cuối cùng của Người thuê tàu cho số lượng dầu còn lại trên tàu tại thời điểm trả tàu.

(b) Trả lại tàu:

- Khi hết hạn của hợp đồng, Người thuê tàu sẽ thông báo cho Chủ tàu biết trước ít nhất 30 ngày về ngày dự kiến sơ bộ giao trả tàu. Người thuê tàu sẽ bàn giao lại toàn bộ con tàu theo hiện trạng của tàu tại thời điểm trả tàu. Người thuê tàu đảm bảo hoàn trả lại cho Chủ tàu toàn bộ các vật tư, trang thiết bị như bảng kê số lượng các vật tư, trang thiết bị mà Chủ tàu đã giao cho Người thuê tàu tại thời điểm bàn giao tàu. Trường hợp không bàn giao đủ các vật tư, trang thiết bị như trên, Người thuê tàu phải thanh toán cho Chủ tàu phần vật tư, trang thiết bị thiếu hụt theo giá thị trường. Tất cả các chi phí cung cấp vật tư, phụ tùng và sửa chữa mà tàu thực hiện trong suốt thời gian thuê tàu sẽ do Người thuê tàu chịu.

- Về nhiên liệu (FO, DO, LO) sẽ được xác định cụ thể về số lượng và chủng loại bởi đại diện của hai Bên vào thời điểm bàn giao tàu để Chủ tàu sử dụng. Chủ tàu sẽ thanh toán lại cho Người thuê tàu phần nhiên liệu (FO, DO, LO) còn lại trên tàu tại thời điểm bàn giao tàu theo đơn giá mua theo hóa đơn của kỳ cấp nhiên liệu gần nhất tại thời điểm trả tàu. Hai bên sẽ lấy mẫu dầu để kiểm tra, chi phí lấy mẫu, kiểm tra do Người thuê tàu chịu.

- Người thuê tàu và Chủ tàu mỗi bên sẽ chỉ định giám định viên độc lập để xác định và thỏa thuận bằng văn bản tình trạng kỹ thuật của con tàu tại thời điểm giao tàu và trả tàu.

- Khi giao trả tàu Người thuê tàu sẽ thực hiện đầy đủ tất cả kiểm tra định kỳ đã tới hạn và bảo đảm các chứng nhận cấp tàu, các chứng chỉ cho tàu hoạt động vẫn còn hạn hoặc được gia hạn với thời gian theo đúng tiến trình đăng kiểm bình thường của cơ quan đăng kiểm tàu mà không có bất kỳ khuyến cáo bất thường nào.

(c) Trong trường hợp kết thúc thời hạn thuê tàu mà hai bên muốn tiếp tục gia hạn, hai bên sẽ ký Phụ lục gia hạn hợp đồng thuê tàu hoặc hợp đồng thuê tàu mới ký nối tiếp, người thuê tàu sẽ không phải bàn giao lại tàu cho Chủ tàu.

## **ĐIỀU V. Kiểm tra, bảo dưỡng và khai thác tàu:**

### **5.1. Kiểm tra tàu:**

Chủ tàu có quyền kiểm tra tàu vào bất kỳ thời điểm nào sau khi đã thông báo cho Người thuê tàu biết trước một khoảng thời gian hợp lý hoặc có quyền chỉ định giám định viên được uỷ quyền để thay mặt mình tiến hành việc kiểm tra tàu để:

(a) Xác định tình trạng của tàu để có thể hài lòng rằng con tàu đã được sửa chữa và bảo dưỡng một cách phù hợp. Chi phí cho việc kiểm tra và giám định này do Chủ tàu chịu, trừ trường hợp việc kiểm tra phát hiện thấy tàu cần phải sửa chữa hoặc bảo dưỡng để tàu có tình trạng kỹ thuật như được quy định trong hợp đồng này.

(b) Lên đà nếu như Người thuê tàu không đưa tàu lên đà theo quy định. Chi phí của việc kiểm tra và giám định này sẽ do Người thuê tàu chịu.

Khi được yêu cầu Người thuê tàu đồng ý cho Chủ tàu kiểm tra nhật ký hàng hải của tàu và cung cấp cho Chủ tàu đầy đủ thông tin để Chủ tàu biết được tổn thất hoặc tai nạn hoặc thiệt hại xảy ra đối với con tàu.

### **5.2. Bảo dưỡng và khai thác tàu:**

(a) Bảo dưỡng và sửa chữa

(i) Trong thời gian thuê tàu Người thuê tàu sẽ có quyền sử dụng và quản lý con tàu để thực hiện tất cả các mục đích của Người thuê tàu và giữ toàn quyền kiểm soát con tàu về mọi mặt. Người thuê tàu sẽ bảo dưỡng tàu, máy tàu, nồi hơi, các trang thiết bị, phụ tùng và vật tư trong tình trạng hoạt động hiệu quả và bảo dưỡng tốt. Người thuê tàu, bằng chi phí của mình, sẽ duy trì cấp hạng tàu một cách đầy đủ và phù hợp với các quy định mới nhất của cơ quan đăng kiểm và duy trì tất cả các giấy chứng nhận cần thiết luôn có hiệu lực trong suốt thời gian thuê tàu.

(ii) Yêu cầu mới để thoả mãn cấp tàu và thoả mãn các yêu cầu an toàn khác- Trong trường hợp do yêu cầu mới để thoả mãn cấp tàu hoặc do quy định bắt buộc của Pháp luật mà tàu cần được cải tiến, thay đổi cấu trúc hoặc lắp thiết bị mới để tàu tiếp tục được hoạt động trong thời gian thuê tàu thì chi phí do Chủ tàu chịu trách nhiệm thanh toán.

(b) Khai thác tàu-Người thuê bằng chi phí và do mình thực hiện việc cung cấp nhân lực, lương thực thực phẩm, vận hành, khai thác, cung ứng, nhiên liệu và sửa chữa tàu (khi cần) trong suốt thời hạn Hợp đồng và Người thuê tàu sẽ trả tất cả các chi phí và phí tổn dưới bất kỳ hình thức nào gắn liền với việc sử dụng và khai thác tàu của mình theo Hợp đồng này. Thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên của tàu sẽ là những người làm công của Người thuê tàu với bất kỳ mục đích gì, ngay cả lý do mà Chủ tàu nêu ra.

Người thuê tàu sẽ tuân thủ theo các quy định đối với sỹ quan và thuyền viên có hiệu lực ở nước mà tàu mang cờ hoặc bất kỳ luật nào khác có hiệu lực áp dụng đối với tàu.

(c) Sử dụng máy móc, trang thiết bị và vật dụng của tàu - Người thuê tàu được sử dụng các máy móc, trang thiết bị và vật dụng trên tàu tại thời điểm giao tàu, miễn là chúng hoặc những máy móc, trang thiết bị và vật dụng tương đương sẽ được trả lại cho Chủ tàu vào thời điểm trả tàu trong tình trạng tốt, ngoại trừ những hao mòn tự nhiên thông thường trong suốt thời gian thuê, Người thuê tàu sẽ thay thế một số thiết bị hư hại hay hao mòn mà không còn phù hợp cho việc sử dụng. Người thuê tàu bảo đảm rằng tất cả mọi sửa chữa hoặc thay thế với bất kỳ bộ phận nào bị hư hỏng, hao mòn hoặc mất mát sẽ được thực hiện theo cách thức (cả về phần tay nghề và chất lượng vật tư) mà nó không làm giảm giá trị của tàu. Người thuê tàu có quyền trang bị thêm bằng chi phí của mình và chịu rủi ro nhưng Người thuê tàu sẽ phải tháo dỡ những trang thiết bị đó lúc kết thúc thời hạn thuê nếu Chủ tàu yêu cầu. Bất kỳ thiết bị nào bao gồm thiết bị vô tuyến được thuê để lắp đặt trên tàu lúc giao tàu sẽ được Người thuê tàu giữ và bảo trì và Người thuê tàu sẽ đảm nhận nghĩa vụ và trách nhiệm mà Chủ tàu phải thực hiện theo bất kỳ hợp đồng cho thuê nào có liên quan tới các thiết bị này và sẽ thanh toán lại cho Chủ tàu tất cả các chi phí có liên quan đến các thiết bị đó và bất kỳ thiết bị mới nào khác được yêu cầu lắp đặt lên tàu để tuân thủ theo các quy định về vô tuyến đến khi bàn giao lại tàu cho Chủ tàu.

(d) Lên đà trung gian, định kỳ - Người thuê tàu sẽ đưa tàu lên đà theo quy định của Cơ quan đăng kiểm.

## **ĐIỀU VI. Trách nhiệm của mỗi bên**

### **6.1. Trách nhiệm của Chủ tàu:**

- Giao tàu đủ khả năng đi biển và các giấy tờ của tàu cho Người thuê tàu tại địa điểm và thời gian được thoả thuận trong điều IV của hợp đồng.

- Không chịu trách nhiệm chi phí bảo dưỡng tàu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tàu định kỳ do Cơ quan đăng kiểm qui định.
- Không phải đóng góp vào Tổn thất chung.
- Chủ tàu có trách nhiệm phát hành hóa đơn GTGT theo đơn giá trong điều VII để **bên thuê tàu làm cơ sở thanh toán và chi phí.**

#### 6.2. Trách nhiệm Người thuê tàu:

- Tạm quyền sử dụng và quản lý con tàu để thực hiện việc khai thác và có quyền kiểm soát con tàu về mọi mặt trong thời gian thuê.
- Chịu trách nhiệm bảo dưỡng tàu và các thiết bị của tàu, sửa chữa các hư hỏng của tàu trong thời gian thuê tàu và sửa chữa lớn tàu định kỳ do Cơ quan đăng kiểm qui định đồng thời phải thông báo cho Chủ tàu biết. Thời gian sửa chữa tàu không tính vào thời gian thuê tàu.
- Chi phí cho tàu hoạt động trong quá trình khai thác như: Vật tư, nhiên liệu, tiền công và chi phí sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng, bảo quản tàu.
- Chịu trách nhiệm bố trí thuyền viên, nhân sự trên tàu theo đúng định biên do Đăng kiểm Việt Nam quy định.
- Trong thời gian thuê tàu, nếu việc sử dụng, khai thác tàu của Người thuê tàu gây ra thiệt hại cho Chủ tàu thì Người thuê tàu có nghĩa vụ khắc phục hoặc bồi thường thiệt hại đó. Kể cả về mất mát, thiệt hại hoặc chi phí mà Chủ tàu đã chịu phát sinh từ việc khai thác hoặc có liên quan đến việc khai thác tàu.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác an toàn cho người và thiết bị trên tàu, đảm bảo tính ổn định hoạt động của tàu trong khi khai thác.
- Trong thời gian thuê tàu, người thuê tàu phải chịu chi phí bảo hiểm cho tàu như: Bảo hiểm thân vỏ tàu, Bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.
- Khi xảy ra phát sinh hư hỏng, tổn thất liên quan đến bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị và sự vụ liên quan đến bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm tai nạn thuyền viên thì người thuê tàu có trách nhiệm thay mặt chủ tàu thông báo cho bên Bảo hiểm và làm việc trực tiếp với các bên liên quan đến việc giám định bồi thường và nhận bồi thường từ đơn vị bảo hiểm.
- Nếu tàu bị tổn thất toàn bộ thực tế, tổn thất toàn bộ ước tính, tổn thất toàn bộ theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm thì tất cả các khoản thanh toán bảo hiểm cho tổn thất đó sẽ được trả cho Chủ tàu và Chủ tàu sẽ phân chia số tiền bồi thường giữa Chủ tàu và Người thuê tàu và ngân hàng căn cứ theo quyền lợi của mỗi bên.
- Cứu hộ: Tất cả việc cứu hộ và lai dắt do tàu thực hiện sẽ do Người thuê tàu hưởng và chi phí sửa chữa các thiệt hại phát sinh do việc thực hiện cứu hộ và lai dắt kéo đó sẽ do Người thuê tàu chịu.
- Di rời tàu đắm: Trong trường hợp tàu bị đắm hoặc trở thành vật chướng ngại hàng hải thì Người thuê tàu sẽ bồi thường cho Chủ tàu về bất kỳ khoản tiền nào mà Chủ tàu sẽ phải có trách nhiệm trả và phải trả do hậu quả của tàu bị đắm hoặc trở thành vật chướng ngại hàng hải (Theo qui định của Pháp luật hiện hành).
- Chịu chi phí đóng góp vào tổn thất chung.
- Thanh toán tiền thuê tàu cho Chủ tàu.

### **ĐIỀU VII. Giá thuê tàu và phương thức thanh toán**

#### **7.1 Đơn giá cho thuê**

- Giá cho thuê tàu **Việt Thuận 235-02** (chưa bao gồm VAT) là: 4.180.000.000 đồng/tháng (Bốn tỷ, một trăm tám mươi triệu đồng chẵn trên tháng).

Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi hai bên sẽ thống nhất và ký Phụ lục điều chỉnh.

#### **7.2 Hình thức thanh toán**

- Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

#### **7.3 Phương thức thanh toán:**

- Hàng tháng hai bên lập biên bản thanh toán tiền thuê tàu trong tháng đồng thời Chủ tàu xuất hóa đơn GTGT cho Người thuê tàu vào cuối từng tháng.

#### **7.4 Chứng từ thanh toán:**

- + Hóa đơn GTGT theo quy định
- + Biên bản đối chiếu thanh toán tiền thuê tàu theo tháng giữa hai bên

#### **7.5 Thời hạn thanh toán:**

+ Người thuê tàu thanh toán tiền thuê tàu cho Chủ tàu theo tháng trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Hóa đơn GTGT hoặc thực hiện đối trừ công nợ (nếu có).

+ Nếu Người thuê tàu không thanh toán đúng thời hạn của Hợp đồng thì số tiền chậm thanh toán được tính theo lãi suất quá hạn của ngân hàng nhà nước nhân số ngày chậm thanh toán.

### **ĐIỀU VIII. Bảo hiểm, sửa chữa và Đăng kiểm tàu:**

8.1- Trong suốt thời hạn Hợp đồng, Người thuê tàu bằng chi phí của mình sẽ mua bảo hiểm thân vỏ tàu (Hull), bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Chủ tàu (P & I) và bất kỳ rủi ro nào buộc phải mua bảo hiểm để cho tàu hoạt động, bao gồm duy trì các đảm bảo về tài chính

8.2- Chủ tàu và/hoặc Công ty bảo hiểm sẽ không có quyền truy đòi hay thế quyền chống lại người thuê tàu về các mất mát hay thiệt hại đối với tàu hoặc máy móc hoặc trang thiết bị của tàu đã được bảo hiểm, hoặc đối với các khoản thanh toán được thực hiện để giải toả trách nhiệm hoặc khiếu nại đối với con tàu hoặc Chủ tàu và Người thuê tàu sẽ được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm căn cứ lợi ích của mỗi bên.

8.3- Trong trường hợp Người thuê tàu có bất kỳ hành động hoặc sự bất cẩn làm mất hiệu lực bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào đã được quy định trong hợp đồng này, thì người thuê tàu sẽ phải thanh toán cho Chủ tàu tất cả tổn thất và bồi thường cho Chủ tàu về những khiếu nại và yêu cầu bồi thường mà lẽ ra đã được Công ty bảo hiểm thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm.

8.4- Nếu được Chủ tàu hay Công ty bảo hiểm của Chủ tàu chấp thuận, Người thuê tàu sẽ thực hiện tất cả những sửa chữa đã được bảo hiểm và Người thuê tàu cam kết sẽ thanh toán các chi phí nhỏ có liên quan đến việc sửa chữa đó cũng như các khoản phí, chi phí được bảo hiểm và các nghĩa vụ phải thanh toán trong phạm vi bồi thường của đơn bảo hiểm đã quy định theo mục (8.1) trên. Người thuê tàu đảm bảo sẽ được hoàn trả thông qua Công ty bảo hiểm của Chủ tàu đối với các chi phí này ngay sau khi xuất trình các chứng từ chi phí có liên quan.

8.5- Người thuê tàu cũng chịu trách nhiệm và thực hiện việc sửa chữa và thanh toán các chi phí và tổn thất phát sinh liên quan đến tất cả các sửa chữa khác không bảo hiểm và/hoặc không vượt quá mức miễn thường hoặc mức khấu trừ đã được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

8.6- Tất cả thời gian của tàu được sử dụng để sửa chữa theo mục (8.4), (8.5), điều V mục 5.2 (d) trên, bao gồm cả việc di chuyển vì mục đích này, sẽ do người thuê tàu chịu và sẽ được tính trừ vào thời gian thuê tàu ngoại trừ có quy định khác trong hợp đồng này. Chủ tàu sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào có liên quan **tới việc sử dụng và vận hành Tàu trong thời gian cần để phục vụ cho việc sửa chữa đó.**

8.7- Nếu các điều kiện của các hợp đồng bảo hiểm trên cho phép các bên mua bảo hiểm bổ sung, thì số tiền bảo hiểm đó sẽ được giới hạn trong số tiền bảo hiểm. Chủ tàu hoặc Người thuê tàu tùy từng trường hợp cụ thể sẽ ngay lập tức cung cấp cho phía bên kia các thông tin chi tiết về bất kỳ khoản bảo hiểm bổ sung nào đã thực hiện, bao gồm các bản sao của bất kỳ đơn bảo hiểm nào hoặc chấp thuận bằng văn bản của Công ty bảo hiểm đối với bảo hiểm bổ sung nếu Công ty bảo hiểm cần phải chấp nhận bảo hiểm bổ sung này.

8.8- Nếu tàu bị tổn thất toàn bộ thực tế, tổn thất toàn bộ ước tính, tổn thất toàn bộ theo thỏa thuận theo hợp đồng bảo hiểm được nêu ở mục (8.1) trên thì tất cả khoản thanh toán bảo hiểm cho tổn thất đó sẽ được trả cho Chủ tàu và Chủ tàu sẽ phân chia số tiền bồi thường giữa Chủ tàu và người thuê tàu căn cứ vào quyền lợi của mỗi bên.

8.9- Nếu tàu bị tổn thất toàn bộ thật sự, tổn thất toàn bộ ước tính, tổn thất toàn bộ theo thỏa thuận theo hợp đồng bảo hiểm do Chủ tàu thu xếp được nêu ở mục (8.1) trên thì hợp đồng này sẽ chấm dứt vào ngày xảy ra tổn thất đó.

8.10- Ngay khi có yêu cầu của Chủ tàu, Người thuê tàu sẽ ký các chứng từ văn bản cần thiết cho phép Chủ tàu tuyên bố từ bỏ tàu đối với Công ty bảo hiểm và khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính.

8.11- Bất kể quy định tại điều V của hợp đồng, trong trường hợp Điều khoản này được lựa chọn áp dụng thì hai bên thỏa thuận rằng theo quy định, Người thuê tàu sẽ duy trì cấp hạng của tàu phù hợp với những quy phạm mới nhất của Cơ quan đăng kiểm và duy trì tất cả các chứng nhận cần thiết khác có hiệu lực trong suốt thời gian thuê tàu.

#### **ĐIỀU IX. Bồi thường:**

Người thuê tàu sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho Chủ tàu về thiệt hại của con tàu (trong những trường hợp mà Công ty bảo hiểm không bồi thường) theo giá trị tại thời điểm xảy ra tai nạn như sau:

- + Chìm đắm làm mất tàu, mất tích.
- + Các chi phí mà Chủ tàu đã chịu phát sinh từ việc khai thác hoặc có liên quan đến việc khai thác tàu của Người thuê tàu trong thời hạn Hợp đồng.
- + Chi phí khi tàu bị bắt giữ Chủ tàu đã đóng tiền bảo lãnh để giải phóng tàu.

#### **ĐIỀU X. Chấm dứt hợp đồng:**

Chủ tàu có quyền rút tàu không cho Người thuê tàu sử dụng và chấm dứt hợp đồng ngay lập tức bằng việc gửi thông báo bằng văn bản đến Người thuê tàu nếu:

- Người thuê tàu không trả tiền thuê tàu theo Điều VII.
- Người thuê tàu không thực hiện đúng vùng hoạt động theo Điều III.
- Người thuê tàu không được ủy quyền cho người thứ 3 thuê tàu trái quy định của hợp đồng này và trái những quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

#### **ĐIỀU XI. Bất khả kháng:**

Cả hai bên đều không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện nghĩa vụ của mình trong hợp đồng, nếu như các nghĩa vụ đó không thể thực hiện do những nguyên nhân bất khả kháng gây ra. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc địa phương mạnh đến mức tàu không thể thực hiện được công việc theo hợp đồng, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh. Bên không hoàn thành nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra (việc bất khả kháng được hiểu theo khái niệm của Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015).

## **ĐIỀU XII. Cam kết chung**

Hợp đồng này là hợp đồng được ký nối tiếp hợp đồng thuê tàu trần số 01/HĐTT/2024/VTT-VT/VT235-02 ký ngày 25/06/2024.

Hai Bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp đồng này. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai Bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, vì lợi ích lâu dài của hai Bên. Nếu không thống nhất được, hai Bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải tuân thủ theo. Các chi phí liên quan đến việc tranh chấp bên có lỗi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Luật áp dụng cho Hợp đồng này là các Bộ Luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31/12/2028 và được lập 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ tàu giữ 03 bản, Người thuê tàu giữ 03 bản để cùng thực hiện. Sau 30 ngày kể từ khi hai bên hoàn thành xong các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nếu hai bên không có tranh chấp, khiếu kiện gì thì hợp đồng coi như đã được thanh lý.

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI THUÊ TÀU**

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ  
ĐẠI LÝ HÀNG HẢI**

Số: 01.26/ HĐĐLHH/VT-VTT  
(Dự thảo)

- Căn cứ vào luật Thương mại năm 2005; Luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Hàng hải năm 2015;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2025, tại Quảng Ninh chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN**

Đại diện : Ông **Trịnh Tiến Mạnh** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 96/UQ-VT ngày 01/01/2025 do ông Trịnh Trung Úy chức vụ Giám đốc ký

Địa chỉ : Số 412 Quang Trung, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại : 0203 3854481 Fax : 0203 3562898  
Tài khoản : 60311 08666 999 tại NH TMCP Quân đội CN Uông Bí, Quảng Ninh  
Tài khoản : 115000171992 tại Vietinbank – KCN Hải Dương  
Tài khoản : 212 399 6999 tại NH BIDV - CN Tây Hồ, Hà Nội  
Mã số thuế : 5700562451

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ - VINACOMIN**

Đại diện : Bà **Đỗ Thị Thu Huyền** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 521/GUQ-VWTC ngày 01/10/2025 do ông Nguyễn Thành Công chức vụ Giám đốc ký

Địa chỉ : Ô số 16, lô B17 khu đô thị cột 5, cột 8, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại : 0203 3518069 Fax: 0203 3518059  
Tài khoản : 8689.8888.001 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh  
Mã số thuế : 5700647458

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký hợp đồng dịch vụ đại lý tàu biển với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Đối tượng Hợp đồng**

Bên A đồng ý ủy thác cho Bên B làm đại lý cho các tàu biển của Bên A là chủ sở hữu hoặc thuê định hạn/quản lý khai thác đến khu vực Cảng Quảng Ninh/Thanh Hóa/Lâm Đồng và các khu vực khác nếu có đề dỡ/xếp hàng.

**Điều 2: Trách nhiệm của Bên A**

- Thông báo cho Bên B dự kiến ngày, giờ, cảng đến/đi, số lượng hàng hóa xếp dỡ ... trước 72 tiếng để Bên B kịp thời thực hiện các thủ tục cần thiết cho tàu.

- Cung cấp cho Bên B các tài liệu phục vụ cho công việc Đại lý bao gồm: vận đơn, lược khai hàng hóa, danh sách thuyền viên, danh sách hành khách và các chỉ thị khác nếu có.

- Các dịch vụ phát sinh như thay đổi thuyền viên, cung ứng vật tư, nhiên liệu, nước ngọt ... thì phải thông báo ít nhất 24 tiếng trước khi tàu đến cảng.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B đại lý phí, chi phí của tàu tại cảng và chi phí các dịch vụ phát sinh mà Bên A yêu cầu Bên B thực hiện.

### **Điều 3: Trách nhiệm của Bên B**

- Thực hiện đầy đủ và khẩn cấp công việc Đại lý tàu: liên hệ với chủ hàng, thu xếp cầu bến, thủ tục đến/rời, theo dõi các công việc khác liên quan đến tàu, thuyền viên, hàng hóa.

- Thu xếp đầy đủ, đúng hạn các dịch vụ phát sinh theo yêu cầu của Bên A, đúng với chức năng nhiệm vụ Đại lý của Bên B. Thực hiện việc ký nhận các hồ sơ hàng hóa, biên bản giao nhận hàng hóa thay thuyền trưởng/đại phó nếu có yêu cầu của Bên A.

- Cùng Bên A giải quyết các tranh chấp và khiếu nại giữa Bên A với Bên thứ ba đối với các vấn đề liên quan đến công việc do Bên B thực hiện.

- Sau khi tàu kết thúc việc làm hàng, gửi các tài liệu hàng hóa cho Bên A trong vòng 07 ngày sau khi tàu chạy, bao gồm bản sao bộ chứng từ hàng hóa (trường hợp tàu yêu cầu gửi bộ chứng từ hàng hóa gốc thì Bên B sẽ gửi cho Bên A) cùng bản kê chi phí của tàu (Trip Account), hóa đơn cảng phí...

- Tất cả các hóa đơn liên quan của tàu tại cảng sẽ được cấp cho Bên A (nếu không có chỉ thị khác). Bên B sẽ cấp hóa đơn giá trị gia tăng VAT cho Bên A về tiền đại lý phí và chi phí phát sinh khác (nếu có).

### **Điều 4: Đại lý phí & cảng phí.**

#### **4.1. Đơn giá phí đại lý:**

+ Khu vực Quảng Ninh (chưa bao gồm VAT): 13.000.000 đồng/cảng

+ Khu vực Thanh Hóa (chưa bao gồm VAT): 11.000.000 đồng/cảng đối với các tàu trọng tải dưới 10.000 DWT.

+ Khu vực Lâm Đồng (chưa bao gồm VAT):

- Tàu có trọng tải dưới 10.000 DWT: 7.000.000 đồng/cảng

- Tàu có trọng tải từ 10.000 đến dưới 20.000 DWT: 9.000.000 đồng/cảng

- Tàu có trọng tải từ 20.000 DWT trở lên: 13.000.000 đồng/cảng

4.2. Các chi phí khác phải kèm theo biên lai và hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định nhà nước.

4.3. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí cho mỗi chuyến tàu theo Trip Account sau khi bên A nhận được hoá đơn chứng từ.

4.4. Đại lý phí và chi phí phát sinh khác sẽ được hai bên thỏa thuận trong từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 5: Điều khoản thanh toán**

#### **5.1. Chứng từ thanh toán**

- Bên B sẽ gửi cho bên Bên A Bản kê chi phí của tàu (Trip Account), hóa đơn GTGT đại lý phí, các hóa đơn bản gốc của cảng vụ, hoa tiêu, kiểm dịch, cầu bến, buộc còi dây, tàu lai và các dịch vụ liên quan đã cung ứng cho tàu (đổ rác, cấp nước ngọt, thời gian neo đậu, cung ứng, ...)

## **5.2. Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán**

- Đối với các tàu Bên B làm đại lý tại khu vực cảng Thanh Hóa: Chậm nhất trước khi tàu rời cảng, bên A tạm ứng 80% cho bên B số tiền dự toán cảng phí (PDA) do bên B lập và đã được bên A chấp nhận.

- Bên A ủy quyền bên B thay mặt bên A thanh toán các hóa đơn của các đơn vị cung cấp dịch vụ cho tàu đối với hoá đơn dịch vụ dưới hai mươi triệu đồng. Các hoá đơn dịch vụ trên hoặc bằng hai mươi triệu đồng sẽ do bên A trực tiếp thanh toán.

- Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí theo Trip Account trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ (Như nêu trong điều 5.1). Trong trường hợp có sai sót hoặc chứng từ thanh toán không đầy đủ Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán để sửa đổi bổ sung cho hợp lệ và thời gian thanh toán sẽ được tính từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ.

- Việc thanh toán nêu trên sẽ được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng.

## **Điều 6: Bất khả kháng**

Các Bên không chịu trách nhiệm về các mất mát, tổn thất, chi phí đối với Bên kia do không thể thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng này do các nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, đình công, đóng cửa nhà máy, kho cảng, sự thay đổi của chính quyền và pháp luật.

## **Điều 7: Điều khoản chung**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026. Hết thời hạn trên, khi hai Bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà không còn tranh chấp gì thì Hợp đồng này xem như được thanh lý.

- Cả hai Bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp đồng. Trong thời gian thực hiện nếu có điều gì phát sinh cần sửa đổi hay bổ sung thì các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc thảo luận đưa ra thống nhất bằng văn bản.

- Mọi tranh chấp phát sinh trước hết sẽ được hai Bên thương lượng giải quyết. Nếu hai Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của tòa án là kết luận cuối cùng ràng buộc hai Bên. Chi phí liên quan sẽ do Bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này bao gồm hai (04) bản gốc có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện. Hợp đồng ký qua fax/email có giá trị như bản chính.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2026-2027**

Số: 01/HĐVC/TB/2026/VT- VT

(Dự thảo)

- Căn cứ Luật dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi tương ứng hiện hành.  
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2025, tại Quảng Ninh, chúng tôi gồm

**Bên thuê vận chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ-VINACOMIN**  
**(gọi tắt là Bên A)**

Địa chỉ: Ô số 16 lô B17 khu đô thị cột 5, cột 8, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3820567 Fax: 0203 3518 322/059

Tài khoản: 8689.8888.001 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh  
: 448.5066.888 tại BIDV – CN Hạ Long

Mã số thuế: 5 7 0 0 6 4 7 4 5 8

Do bà: **Đỗ Thị Thu Huyền** – Chức vụ: **Phó Giám đốc là đại diện**

Giấy Ủy quyền số 521/GUQ-VWTC ngày 01/10/2025 do ông Nguyễn Thành Công chức vụ Giám đốc ký

**Bên vận chuyển: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN**  
**(gọi tắt là Bên B)**

Trụ sở tại: số 412 Đường Quang Trung, Phường Uông Bí, Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.2222689 Fax: 0203.6519888

Tài khoản: 115000171992 tại Ngân hàng Vietinbank – KCN Hải Dương

Tài khoản: 60311 08666 999 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Uông Bí, Quảng Ninh

Tài khoản: 212 399 6999 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ, Hà Nội

Mã số thuế: 5 7 0 0 5 6 2 4 5 1

Do ông: **Trịnh Tiến Mạnh** - Chức vụ: **Phó Giám đốc là đại diện**

Giấy ủy quyền số 96/UQ-VT ngày 01/01/2025 do ông Trịnh Trung Uý chức vụ Giám đốc ký

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyển than năm 2026 – 2027 với các điều khoản sau:

**Điều 1. Tên hàng, khối lượng, tuyến vận chuyển và đơn giá vận chuyển**

1.1- Tên hàng: than cám các loại.

1.2- Khối lượng (dự kiến): 3.410.000 tấn (±20%)

+ Tuyến đi Nhiệt điện Vũng Áng 1: 300.000 tấn ±20%

+ Tuyến đi Nhiệt điện Vĩnh Tân 1+2: 2.460.000 tấn ±20%

+ Tuyến đi Nhiệt điện Duyên Hải 1: 650.000 tấn ±20%

Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế hợp lý và nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển cho phù hợp.

1.3- Tuyến vận chuyển: như phụ biểu kèm theo

1.4- Đơn giá vận chuyển: theo các phụ lục hợp đồng được hai bên thống nhất ký kết, các phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

## **Điều 2. Phương tiện vận chuyển**

### **2.1. Phương tiện vận chuyển.**

+ Đối với tuyến đi NĐ Vũng Áng 1: Tàu biển hoặc tàu SB có trọng tải  $\geq 20.000$  DWT, tối đa 30.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 20.000 DWT đến 30.000 DWT, ít khoang hàng (dưới 04 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Vũng Áng 1.

+ Đối với tuyến đi NĐ Vĩnh Tân 1+2: Tàu biển hoặc tàu SB có trọng tải  $\geq 20.000$  DWT, tối đa 50.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Đối với tuyến đi NĐ Duyên Hải 1: Tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải  $\geq 15.000$  DWT, tối đa 30.000 DWT, có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có tải trọng từ 15.000 DWT đến 30.000 DWT, không có cầu, ít khoang hàng (dưới 04 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Duyên Hải 1.

+ Bên vận chuyển phải huy động đủ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo thực hiện được khối lượng vận chuyển theo tiến độ.

+ Tuổi phương tiện vận chuyển: ưu tiên những phương tiện không quá 15 tuổi.

+ Các trường hợp khác theo sự thống nhất của khách hàng mua than của TKV.

2.2- Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa được vận chuyển và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hoá trong quá trình vận chuyển.

2.3- Phương tiện vận chuyển phải tham gia bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyển khi có sự xác nhận từ công ty bảo hiểm.

2.4- Bên vận chuyển phải gửi danh sách các phương tiện vận chuyển cùng với các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển cho Bên A để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyển. Bên vận chuyển phải đảm bảo các chứng từ của phương tiện vận chuyển là thật và các chứng từ này phải có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện;
- b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa);
- c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:
  - Đối với Tàu biển là Giấy chứng nhận phân cấp tàu,
  - Đối với tàu SB là Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

2.5- Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do phương tiện vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển/giấy tờ giả mạo, đơn vị vận chuyển phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có)

#### 2.6. Lắp đặt, sử dụng thiết bị GPS và Camera giám sát:

a. Đối với các phương tiện đã lắp đặt thiết bị GPS và camera giám sát: Bên vận chuyển tổ chức kiểm tra, bảo trì thiết bị, đảm bảo các điều kiện hoạt động như quy định tại mục b dưới đây.

b. Đối với các phương tiện chưa lắp đặt thiết bị GPS và camera giám sát: Bên vận chuyển chủ động lựa chọn nhà cung cấp thiết bị và tổ chức lắp đặt trên các phương tiện, đảm bảo các điều kiện như sau:

- Các thiết bị GPS và camera giám sát được lắp đặt tại các vị trí cố định trên phương tiện, được kết nối internet, có thể hoạt động bình thường và truyền dữ liệu liên tục 24/24h kể cả trong điều kiện thời tiết mưa, bão, ban đêm,..., tại tất cả các vị trí trong suốt quá trình vận chuyển than;

- Camera phải soi chiếu rõ ràng, đầy đủ được toàn bộ hình ảnh các hầm/khoang/sà lan chứa hàng (kể cả vào ban đêm), có khả năng lưu trữ dữ liệu liên tục tối thiểu 30 ngày (kể từ thời điểm lưu dữ liệu);

- Khi tham gia vận chuyển than cho Bên thuê vận chuyển, Bên vận chuyển cung cấp quyền truy cập camera/GPS cho Bên thuê vận chuyển để kiểm tra và giám sát (khi cần thiết);

- Trường hợp thiết bị GPS, camera bị hỏng/ngừng hoạt động, không có dữ liệu trong khoảng thời gian từ lúc rút hàng đến dỡ hàng xong hoặc không đảm bảo điều kiện để Bên thuê vận chuyển kiểm tra và giám sát, thì Bên vận chuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc thay đổi các chỉ tiêu chất lượng, khối lượng hàng hoá.

c. Bên thuê vận chuyển sẽ thực hiện kiểm tra hoạt động của các thiết bị GPS, camera giám sát trước khi xếp/rút hàng cho phương tiện và chỉ tổ chức xếp/rút hàng cho các phương tiện có thiết bị GPS, camera giám sát đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại mục b nêu trên.

2.7. Phương tiện vận chuyển cho từng chuyến hàng sẽ được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng vận chuyển kèm theo hợp đồng này.

#### **Điều 3. Phương pháp xác định khối lượng, độ ẩm giao nhận và tỷ lệ chênh lệch hao hụt**

3.1- Phương pháp xác định khối lượng: Giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước hoặc bằng cân (căn cứ vào phương pháp xác định khối lượng giữa TKV và khách hàng mua than).

##### 3.2- Độ ẩm giao nhận:

Tại cảng xếp hàng: Là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng. Độ ẩm tiếp nhận không lớn hơn 13%. Trường hợp độ ẩm đầu nguồn lớn hơn 13% thì thực hiện theo thỏa thuận và có sự thống nhất của các bên liên quan (Bên bán than, Mua than, vận chuyển).

3.3- Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: như Phụ biểu kèm theo.

Chênh lệch hao hụt được tính như sau: khối lượng chênh lệch hao hụt bằng khối lượng rút hàng tại đầu nguồn tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rút (theo giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than cảng rút) trừ khối lượng giao nhận cuối nguồn được quy về độ ẩm tại đầu nguồn, cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

#### **Điều 4. Năng suất xếp và dỡ hàng**

Thời gian xếp/dỡ hàng/thưởng, phạt dôi nhật:

- Tại cảng xếp hàng: CQD (không thưởng, không phạt, tốc độ xếp, dỡ hàng theo tập quán phổ biến của cảng).

- Tại cảng dỡ hàng: theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên Mua hàng.

## **Điều 5. Thời gian làm hàng và vận chuyển**

5.1- Khi tàu đến vị trí neo chờ vào cầu (khu vực qui định của cảng) đại diện phương tiện trao thông báo sẵn sàng làm hàng (N.O.R) để xếp/dỡ hàng trong giờ làm việc buổi sáng (từ 08:00 đến 12:00 giờ), buổi chiều (từ 13:00 đến 17:00 giờ) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, ngày lễ, tết), thời gian làm hàng được tính như sau:

+ Tại cảng xếp: Nếu N.O.R trao vào buổi sáng trước 12:00 giờ, thời gian làm hàng sẽ được tính từ 13:00 giờ cùng ngày, trường hợp N.O.R trao sau 12:00 giờ thì thời gian làm hàng sẽ được tính vào 08:00 giờ sáng ngày hôm sau.

Do phải làm mẫu chất lượng hàng tại cảng xếp, nên thời gian xếp hàng được cộng thêm tối đa là 12 giờ để tính thời gian làm hàng tại cảng xếp. Nếu thời gian làm mẫu dưới 12 giờ thì tính theo số giờ thực tế.

+ Tại cảng dỡ: Sau khi tàu cập cảng, đại diện của TKV, khách hàng cùng với đại diện phương tiện kiểm tra kẹp chì và mở hầm hàng tiến hành lấy mẫu, giám định khối lượng, giám định chất lượng, (thời gian này không quá 24 giờ kể từ khi tàu cập cảng, không tính thời gian làm hàng) và sau đó tiến hành dỡ hàng.

5.2- Thay đổi thời gian xếp hàng: Trường hợp cần thay đổi thời gian xếp hàng, trong thời gian không dưới 07 ngày trước thời hạn xếp hàng (đã có laycan) trước đó, Bên A gửi thông báo đề nghị sửa đổi ngày xếp hàng chậm lại/hoặc nhanh hơn để Bên B có thời gian điều chỉnh lịch tàu cho phù hợp.

## **Điều 6. Khối lượng tính cước, thanh toán**

6.1- Khối lượng tính cước: là khối lượng than giao nhận tại cảng dỡ hàng tương ứng với độ ẩm thực tế (theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng).

6.2 - Thanh toán:

6.2.1- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận tải đơn.

+ Biên bản giao nhận than tại các địa điểm trả hàng.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng cước vận chuyển.

+ Các giấy tờ hàng hoá khác (nếu có)

6.2.2- Phương thức và thời hạn thanh toán:

6.2.2.1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ, nếu có

6.2.2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B theo từng chuyến hàng đã được vận chuyển trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán như quy định tại mục 6.2.1 nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT.

## **Điều 7. Bất khả kháng**

7.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại khoản 7.1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

## **Điều 8. Miễn bồi thường, bồi thường**

### **8.1- Bồi thường:**

(a) Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hoá bị tổn thất bao gồm nhưng không giới hạn các nguyên nhân sau: sai sót của thuyền trưởng, thủy thủ trong quá trình điều khiển phương tiện, va chạm với bên thứ ba, lỗi kỹ thuật của phương tiện, Bên vận chuyển vi phạm luật Hàng hải hoặc luật giao thông đường thủy nội địa, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, làm thay đổi thiết kế kỹ thuật của phương tiện, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến mất/tổn thất than...

(b) Trường hợp hàng hoá bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng và/hoặc để hàng hoá hao hụt vượt quá mức trần qui định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên vận chuyển phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ qui định hoặc giá trị chênh lệch giá than (bao gồm thuế GTGT) do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá hồ sơ thanh toán của lô hàng tại thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển.

8.2- Khối lượng hàng hoá chênh lệch hao hụt vượt quy định được tính cho từng phương tiện vận chuyển, nếu có, Bên B phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1.

8.3- Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của Bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên mua hàng.

8.4- Trường hợp Bên B cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà TKV đã ký với khách hàng thì Bên B phải bồi thường chi phí chờ đợi rút hàng của thiết bị, chi phí trả công nhân xếp dỡ và các chi phí liên quan đồng thời chịu bồi thường toàn bộ tổn thất mà TKV phải chịu theo hợp đồng mua bán than với bên mua hàng.

8.5- Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho Bên Thuê vận chuyển thì Bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho Bên Thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà Bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà Bên Thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có).

8.6- Chứng từ thanh toán các khoản bồi thường gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng, giá trị than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian, hoặc về thời gian dôi nhật tàu lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm.

8.7- Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

## **Điều 9. Trách nhiệm của mỗi bên**

9.1- Trách nhiệm của Bên A:

+ Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Bên B trước ngày 03 của tháng (bằng email/fax).

+ Cấp đủ các chứng từ kèm theo lô hàng theo quy định.

+ Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn, đảm bảo năng suất.

+ Chịu trách nhiệm xếp/dỡ hàng ở hai đầu bến đảm bảo năng suất thỏa thuận, thời hạn laycan và phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm hàng.

+ Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B đúng thời hạn thỏa thuận theo Quy định tại điều 6.2.2.

+ Cử cán bộ có thẩm quyền tại các địa điểm giao nhận để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao nhận hàng hoá tại hai đầu bến.

9.2- Trách nhiệm của Bên B:

+ Đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển hàng và đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

+ Thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp (bằng email/fax) trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo kế hoạch vận chuyển tháng của Bên A. Thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 giờ, trước khi phương tiện vào cảng trả hàng.

+ Điều động tàu đến cảng trong thời hạn laycan để nhận hàng.

+ Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu và các giấy tờ theo luật định; tuân thủ nội quy của các cảng xếp và dỡ hàng.

+ Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản, đảm bảo an toàn hàng hóa về chất lượng, khối lượng trong suốt quá trình xếp/dỡ và vận chuyển.

+ Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;

- Vận tải đơn (Bill of lading);

- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của TKV hoặc đơn vị giám định của khách hàng cấp kèm theo lô hàng;

- Biên bản kẹp chì hàm hàng.

+ Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng email hoặc điện thoại và bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A, cùng các bên liên quan xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A và công ty Bảo hiểm hàng hoá (than).

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.

10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thoả thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng bổ sung để thực hiện.

10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của hợp đồng này.

10.6- Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2027. Trường hợp than được rót lên phương tiện vận chuyển trước 31/12/2027 nhưng chưa kết thúc hành trình và dỡ hàng thì hợp đồng tự động gia hạn cho đến khi kết thúc việc dỡ hàng. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Tiến Mạnh**

**Đỗ Thị Thu Huyền**

**Phụ biểu: TUYẾN VẬN CHUYỂN VÀ TỈ LỆ HAO HỤT**

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Tuyến vận chuyển</b>                                                                                           | <b>Tỷ lệ hao hụt giao<br/>nhận bằng giám<br/>định món nước<br/>(%)</b> |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b>         | <b>Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1</b>                                                                         |                                                                        |
|                  | Từ cảng rót khu vực phường/xã: Mông Dương; Cẩm Phả; Cửa Ông - Quảng Ninh; cảng Cẩm Phả và/hoặc khu vực chuyển tải | 0,209                                                                  |
| <b>2</b>         | <b>Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2</b>                                                                         |                                                                        |
|                  | Từ cảng rót khu vực phường/xã: Mông Dương; Cẩm Phả; Cửa Ông - Quảng Ninh; cảng Cẩm Phả và/hoặc khu vực chuyển tải | 0,209                                                                  |
| <b>3</b>         | <b>Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 1</b>                                                                         |                                                                        |
|                  | Từ cảng rót khu vực phường/xã: Mông Dương; Cẩm Phả; Cửa Ông - Quảng Ninh; cảng Cẩm Phả và/hoặc khu vực chuyển tải | 0,209                                                                  |
| <b>4</b>         | <b>Cảng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1</b>                                                                        |                                                                        |
|                  | Từ cảng rót khu vực phường/xã: Mông Dương; Cẩm Phả; Cửa Ông - Quảng Ninh; cảng Cẩm Phả và/hoặc khu vực chuyển tải | 0,209                                                                  |